

Bản án số: 18/2019/HS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Dân

3. Bà Phan Thị Thúy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:
Ông Nông Anh Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 19/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T; tên gọi khác: Lê Đức T; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1975 tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 32, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Xóm A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S, sinh năm 1927 và bà Đỗ Thị Tn, sinh năm 1935 (đã chết); có vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1980 (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2001;

Tiền án 02:

- Tại bản án số 79/HSST ngày 19/8/2008 của TAND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lê Văn T 24 tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tổng hợp hình phạt với bản án số 275 ngày 13/12/2007, tổng hợp hình phạt chung là 30 tháng 14 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2008. T chưa thi hành các khoản: Án phí: 50.000đ; Phạt: 10.000.000đ; Truy thu: 2.300.000đ.

- Tại bản án số 181/HSST ngày 23/9/2008 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lê Văn T 24 tháng tù về tội: “*Lạm dụng tín*

nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 79 ngày 19/8/2008, tổng hợp hình phạt chung là 54 tháng 14 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2008. Án phí phải thi hành 100.000đ, T đã thi hành 50.000đ, còn lại 50.000đ chưa thi hành.

Tiền sự 01: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0024270 ngày 15/5/2018, Công an tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lê Văn T 1.500.000đ về hành vi: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, T đã nộp tiền phạt ngày 18/5/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Thị Kim M, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1973 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Quang K (đã chết); con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1929; có chồng là Lương Thanh G (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại bản án số 145/HS ngày 21/5/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Ngô Thị Kim M 06 tháng tù về tội: *“Môi giới mại dâm”*; Tại bản án số 236/HSST ngày 13/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Ngô Thị Kim M 07 năm tù về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư Văn phòng Luật sư HT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, bào chữa cho bị cáo Lê Văn T, do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên cử. (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh N - Luật sư Văn phòng Luật sư TN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Kim M, do bị cáo mời (có mặt).

Người chứng kiến:

1. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 13, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Xóm A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 45 phút ngày 21/11/2018, tổ công tác Công an thành phố Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 13, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện, bắt quả tang Lê Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, thu giữ: Tại túi áo ngực bên trái 02 gói giấy bên trong chứa chất bột màu trắng, 02 gói ni lông màu xanh bên trong mỗi gói có ½ viên nén màu hồng và 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng (*Niêm phong ký hiệu T1*); Túi quần phía trước

bên phải 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng, 01 gói ni lông màu xanh bên trong chứa chất bột màu trắng và ½ viên nén màu hồng (*Niêm phong ký hiệu T2*). Ngoài ra tạm giữ của T 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen (*Niêm phong ký hiệu A1*). Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*). Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và đưa T về CQĐT để điều tra, làm rõ.

Cùng ngày CQCSĐT Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành khám xét nơi ở của Lê Văn T, tại xóm A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, thu giữ:

- *Tại góc phòng trong buồng ngủ của T*: 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa 34 gói ni lông màu đen, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 17 gói ni lông màu hồng, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 11 gói ni lông màu xanh, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 08 gói ni lông màu hồng, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng và ½ viên nén màu xanh; 04 gói ni lông màu hồng, trong mỗi gói chứa chất bột màu trắng và ½ viên nén màu xanh; 01 gói ni lông màu trắng, bên trong có 69 gói ni lông màu trắng, trong mỗi gói chứa 01 viên nén màu hồng; 51 gói ni lông màu trắng bên trong mỗi gói đều chứa ½ viên nén màu hồng. (*Tất cả được niêm phong ký hiệu A*).

- *Tại cuối giường ngủ trong phòng ngủ của T*: 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa 01 gói ni lông màu xanh, trong có chứa 199 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh; 01 gói ni lông màu xanh bên trong có chứa 198 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh; 01 gói ni lông màu xanh bên trong có chứa 20 gói ni lông màu hồng, trong mỗi gói đều chứa 01 viên nén màu hồng; 50 gói ni lông màu hồng, trong mỗi gói chứa ½ viên nén màu hồng; 42 gói ni lông màu đen, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 26 gói ni lông màu hồng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng và ½ viên nén màu hồng; 02 gói ni lông màu hồng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng và ½ viên nén màu xanh; 25 gói ni lông màu hồng trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng; 30 gói ni lông màu xanh, trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng (*Tất cả được niêm phong ký hiệu B*). Ngoài ra khi khám xét CQĐT còn thu giữ: 01 cân tiểu ly vỏ gỗ; Số tiền 270.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất bột màu trắng và số viên nén màu hồng, màu xanh thu giữ của Lê Văn T, kết quả như sau:

- Bì niêm phong ký hiệu **T1**: Số chất bột màu trắng có khối lượng **0,817** gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì T3*). Số mảnh viên nén màu hồng có khối lượng **0,104** gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì T4*).

- Bì niêm phong ký hiệu **T2**: Số chất bột màu trắng có khối lượng **0,349** gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì T5*). Số mảnh viên nén màu hồng có khối lượng **0,057** gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì T6*).

- Bì niêm phong ký hiệu **A**: Số chất bột màu trắng có khối lượng **18,642** gam, lấy 0,756 gam làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K1*), còn lại niêm phong lưu kho. Số viên nén màu hồng, mảnh viên nén màu hồng có khối lượng **10,738**

gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K2*). Số mảnh viên nén màu xanh có khối lượng **0,208 gam**, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K3*).

- Bì niêm phong ký hiệu **B**: Số chất bột màu trắng có khối lượng **29,204 gam**, lấy 2,448 gam làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K4*), còn lại niêm phong lưu kho. Số viên nén màu hồng, mảnh viên nén màu hồng có khối lượng **48,114 gam**, lấy 1,656 gam làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K5*), còn lại niêm phong lưu kho. Số viên nén màu xanh, mảnh viên nén màu xanh có khối lượng **0,502 gam**, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (*Ký hiệu bì K6*).

Tại Bản kết luận giám định chất ma túy số 45 ngày 28/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, đối với số chất bột màu trắng và viên nén màu hồng, viên nén màu xanh thu giữ của Lê Văn T kết luận:

- Chất bột màu trắng trong mẫu T3 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,817 gam.

- Mảnh viên nén màu hồng trong mẫu T4 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,104 gam.

- Chất bột màu trắng trong mẫu T5 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,349 gam.

- Mảnh viên nén màu hồng mẫu T6 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,057 gam.

- Chất bột màu trắng trong mẫu K1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 18,642 gam.

- Viên nén màu hồng, mảnh viên nén màu hồng trong mẫu K2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 10,738 gam.

- Mảnh viên nén màu xanh trong mẫu K3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,208 gam.

- Chất bột màu trắng trong mẫu K4 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 29,204 gam.

- Viên nén màu hồng, mảnh viên nén màu hồng trong mẫu K5 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 48,114 gam.

- Viên nén màu xanh, mảnh viên nén màu xanh trong mẫu K6 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,502 gam.

Như vậy, tổng số chất ma túy Heroine, Methamphetamine thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nơi ở của T là **108,735 gam** (trong đó: Heroine là 49,012 gam; Methamphetamine là 59,723 gam).

Tiến hành mở niêm phong chiếc điện thoại Nokia kiểm tra nhật ký, tin nhắn, kết quả:

- Tin nhắn đến: Hồi 08:45:19 ngày 21/11/2018 từ số thuê bao + 84338911796, nội dung tin nhắn: "*Ra đi chi oi em met lam roi*". Hồi 21:43:50 ngày 20/11/2018 từ số thuê bao + 84366731001, nội dung tin nhắn: "*C oj e anh day sang mai 7h C lay ho e l phan dc ko c*"

- Tin nhắn đi: Hồi 13:04:54 ngày 19/11/2018 đến số thuê bao + 84366731001, nội dung tin nhắn: “*U chi uu tien lan nay thoi nhe*”. Hồi 13:23:32 ngày 19/11/2018 đến số thuê bao + 84366731001, nội dung tin nhắn: “*E sang luon đi*”.

Quá trình điều tra xác định như sau: Lê Văn T và Ngô Thị Kim M chung sống như vợ chồng tại nhà riêng của M ở xóm A, xã HT, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2014, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khoảng 11 giờ ngày 17/11/2018 T nói với M có người chỉ cho T biết tại khu vực Bến xe khách Thái Nguyên có người bán ma túy, T muốn mua về để sử dụng và bán kiếm lời nhưng thiếu khoảng 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và bảo M đưa cho để đi mua ma túy. M đồng ý và đưa cho T số tiền 10.000.000đ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T một mình đi đến khu vực Bến xe khách TN gặp một người nam giới khoảng 40 tuổi (T không rõ họ, tên và địa chỉ) và mua của người này 01 gói ma túy (gồm 2 loại ma túy: Heroine và hồng phiến) với tổng số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Sau khi mua được ma túy T đem về nơi ở tại xóm A, xã HT, huyện DH rồi chia nhỏ số ma túy trên thành các gói nhỏ với mục đích để bán kiếm lời. Việc chia ma túy thành các gói nhỏ là do T tự làm, M không tham gia. Sau đó T đã 03 lần đưa ma túy cho M để mang đi bán cho các đối tượng nghiện ma túy, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 16 giờ ngày 18/11/2018 có một người nam giới, điện thoại cho T giới thiệu tên là TA (T không rõ họ và địa chỉ) hỏi mua 01 gói Heroine, T đã đưa cho M 01 gói Heroine và bảo M mang đến khu vực điểm chờ xe Bus, đối diện chợ CH để bán ma túy cho người này, M mang gói Heroine đến địa chỉ trên, bán cho TA và thu số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 19/11/2018, Tuấn Anh tiếp tục hỏi mua của T 01 gói Heroine, T đã đưa cho M 01 gói Heroine và bảo mang đến khu vực cửa quán thịt trâu S, phường TD, TP TN, M mang ma túy đến địa chỉ trên, bán cho TA và thu số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

- Lần 3: Khoảng 16 giờ ngày 19/11/2018 có một người đàn ông tên V hỏi mua Heroine và hồng phiến của T, T đã đưa cho M 01 gói gồm Heroine và ½ viên hồng phiến bảo M mang đến khu vực cổng chợ CH, M mang gói ma túy đến địa chỉ này, bán cho V và thu số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*). Khi T đưa ma túy cho M đi bán M đều biết đó là ma túy. Số tiền 03 lần bán ma túy M đều mang về đưa cho T quản lý, chi tiêu.

Ngoài 03 lần T đưa ma túy cho M đi bán nêu trên, khoảng 16 giờ ngày 20/11/2018 T đi một mình đến khu vực cầu LN, thuộc phường CH, TP TN bán cho TA 01 gói Heroine và hồng phiến, thu về số tiền 350.000đ (*Ba trăm năm mươi ngàn đồng*). Sau đó khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng M đến khu vực khu dân cư HT, phường CH, TP TN, tại đây T đã bán cho TA 01 gói Heroine và thu về số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Đến 11 giờ 45 phút ngày 21/11/2018, T tiếp tục mang ma túy đến khu vực tổ 13, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên để bán cho các đối tượng nghiện, nhưng chưa kịp bán thì bị CQĐT phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Các tin nhắn trong chiếc điện thoại Nokia, CQĐT đã thu giữ là các tin nhắn giao dịch mua bán trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn T, Ngô Thị Kim M nêu trên là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản đối chất, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến.

Vật chứng vụ án là 11 bì niêm phong ký hiệu lần lượt là: T3, T5, K1, K2, K3, K4, K5, K6, L1, L2, L3 bên trong có Heroine và Methamphetamine là vật chứng lưu kho và hoàn mẫu lại sau giám định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen cũ có số IMEI1: 354482091992513, IMEI2: 354482094992510; 01 cân tiểu ly vỏ gỗ; Số tiền 270.800.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm ngàn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Công an tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 16/CT – VKS – P1, ngày 11/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lê Văn T, Ngô Thị Kim M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T và Ngô Thị Kim M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 20 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim M từ 18 đến 19 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000đ do bán ma túy mà có và 01 điện thoại di động (thu giữ của Lê Văn T).
- Truy thu đối với Lê Văn T số tiền 500.000đ (do bán ma túy mà có);
- Tạm giữ số tiền 270.300.000đ, để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.
- Tịch thu tiêu hủy: 11 bì niêm phong ký hiệu: T3, T5, K1, K2, K3, K4, K5, K6, L1, L2, L3; 01 cân tiểu ly vỏ gỗ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải, phạm tội do không có công ăn việc làm, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Lê Văn T nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Kim M xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bố, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Bằng vàng danh dự, anh trai bị cáo là Liệt sỹ. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác tội phạm, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt liên kề, đề nghị xử phạt bị cáo mức án 15 năm tù. Về số tiền 270 triệu đồng thu giữ tại nhà bị cáo M đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo vì không liên quan đến việc mua bán ma túy, về hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo để miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Thị Kim M nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với các Luật sư: Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Viện kiểm sát đề nghị mức án nêu trên là phù hợp, vì vậy Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị về mức án đối với các bị cáo. Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo; về hình phạt bổ sung, các bị cáo phạm tội vì mục đích thu lợi bất chính vì vậy cần phải phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ ngày 17/11/2018, Lê Văn T đã bàn với Ngô Thị Kim M về việc T biết chỗ bán ma túy, T bảo M đưa 10 triệu đồng để T góp vào số tiền có từ trước để đi mua ma túy về bán kiếm lời, M đồng ý và đưa cho T số tiền 10.000.000đ. Khoảng 18 giờ cùng ngày T đến khu vực sau bến xe khách TN (bến cũ) thuộc phường QT, thành phố TN, tại đây T mua của một người đàn ông không rõ họ, tên và địa chỉ (gồm Heroine và Methamphetamine) với tổng số tiền là 40.000.000đ rồi mang về nơi ở của M và T cất giấu, T chia ma túy thành các gói nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện.

T đã 03 lần đưa ma túy cho M đi bán thu được tổng số tiền 500.000đ. Ngoài ra, ngày 20/11/2018 T bán cho TA 01 gói Heroine và Methamphetamine, thu số tiền 350.000đ. Cũng trong ngày hôm đó, T cùng M đã bán Tuấn Anh 01 gói Heroine thu số tiền 150.000đ. Đến 11 giờ 45 phút ngày 21/11/2018 T mang ma túy đến khu vực tổ 13, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên để bán cho các đối tượng nghiện, nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Tổng khối lượng ma túy T, M mua bán trái phép là **108.735 gam**.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo: Lê Văn T và Ngô Thị Kim M về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2., 3....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a,...

b, Heroine, ... Methamphetamine ... có khối lượng từ 100 gam trở lên”.

[3]. Xét hành vi phạm tội của Lê Văn T và Ngô Thị Kim M là đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung. Trong vụ án này, bị cáo T với vai trò là người chủ mưu, bị cáo M tham gia với vai trò là người giúp sức, cùng với bị cáo T tích cực thực hiện tội phạm.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Lê Văn T có 02 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo có 01 tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo Ngô Thị Kim M không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Bố, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Bằng vàng danh dự, anh trai bị cáo là Liệt sỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo Lê Văn T và Ngô Thị Kim M đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác tội phạm, vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Ngô Thị Kim M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra vụ án khai báo thành khẩn, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác tội phạm, trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, có vai trò giúp sức trong vụ án nên có căn cứ áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đối với Lê Văn T, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên khi xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo T tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, mức hình phạt đối với bị cáo M có phần nghiêm khắc.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho Lê Văn T và Ngô Thị Kim M về tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận; đối với đề nghị trả lại số tiền thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là số tiền của bị cáo T và bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo được niêm phong trong các phong bì niêm phong ký hiệu: T3, T5, K1, K2, K3, K4, K5, K6, L1, L2, và L3; 01 chiếc cân tiêu ly vỏ gỗ đã cũ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu hủy theo quy định; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của Lê

Văn T, quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, điện thoại đã cũ vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy theo quy định.

- Số tiền 270.800.000 đồng, thu giữ của Lê Văn T và Ngô Thị Kim M, trong đó có 500.000 đồng T khai nhận do bán ma túy mà có, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền còn lại 270.300.000 đồng quá trình điều tra xác định đây là số tiền của T và M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Quá trình điều tra xác định M đã bán ma túy cho các đối tượng nghiên được số tiền 500.000 đồng, sau đó M đưa số tiền này cho T vì vậy cần truy thu đối với T 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận vì vậy cần phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo M tham gia với vai trò giúp sức nên áp dụng hình phạt bổ sung thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này, theo Lê Văn T khai mua ma túy của một người nam giới khoảng 40 tuổi tại khu vực Bến xe khách TN, thuộc phường QT, thành phố TN nhưng T không biết họ, tên và địa chỉ, sau đó T, M bán ma túy cho các đối tượng TA, V, không rõ họ và địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T (tức Lê Đức T) và bị cáo Ngô Thị Kim M phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T (tức Lê Đức T): 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2018. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (M triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim M 17 (M bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2018. Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn T, Ngô Thị Kim M 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Lê Văn T, do bán ma túy mà có;

- Truy thu đối với Lê Văn T số tiền: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), do bán ma túy mà có.

- Tạm giữ số tiền: 270.800.000đ (hai trăm bảy mươi triệu tám trăm nghìn đồng), để đảm bảo thi hành án cho Lê Văn T và Ngô Thị Kim M.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ, số IMEI 1: 354482091992513; số IMEI 2: 354482094992510 thu giữ của Lê Văn T (Lê Đức T).

+ 01 niêm phong ký hiệu **T3** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,779 gam Heroine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **T5** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,328 gam Methamphetamine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K1** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,728 gam Heroine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K2** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 10,605 gam Methamphetamine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K3** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,097 gam Methamphetamine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K4** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,417 gam Heroine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K5** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 1,555 gam Methamphetamine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **K6** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Trần Đức Thủy, Đỗ Văn Thành, Đỗ Thu Hà và 03 hình dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 0,317 gam Methamphetamine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **L1** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Tuấn Anh, Mai Thành Viên, Ngô Thị Kim M, Trần Văn Hòa, Nguyễn Minh Tồn, Nguyễn Minh T và 03 hình dấu tròn của Công an thành phố Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 17,886 gam Heroine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **L2** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Tuấn Anh, Mai Thành Viên, Ngô Thị Kim M, Trần Văn Hòa, Nguyễn Minh Tồn, Nguyễn Minh T và 03 hình dấu tròn của Công an thành phố Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 26,756 gam Heroine;

+ 01 niêm phong ký hiệu **L3** trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Lê Tuấn Anh, Mai Thành Viên, Ngô Thị Kim M, Trần Văn Hòa, Nguyễn Minh Tồn, Nguyễn Minh T và 03 hình dấu tròn của Công an thành phố Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 46,458 gam Methamphetamine;

+ 01 cân tiểu ly vỏ gỗ.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên; số tiền theo ủy nhiệm chi số 91 ngày 16/4/2019).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Lê Văn T và Ngô Thị Kim M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Minh Tuấn

